

Bản án số: 107/2017/HSST
Ngày 30/5/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Tiến Thành

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Tâm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phùng Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự, thụ lý 97/2017/HSST ngày 07 tháng 4 năm 2017 đối với:

Bị cáo T, sinh năm 1995 tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: đường L, phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: thợ mộc; trình độ văn hóa: 5/12; con ông N và bà C (chết); tiền sự, tiền án: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/8/2016 đến ngày 25/8/2016. Ngày 25/8/2016 được thay đổi biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt.

* *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo:* Ông Tr; nơi cư trú: đường L, phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Ông T là cậu ruột của bị cáo).

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông P, Luật sư – Văn phòng Luật sư, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa, bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án.

* *Người bị hại:*

1. Chị Th, sinh năm 1992; nơi cư trú: đường T, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Chị S, sinh năm 1990 (quốc tịch TQ); tạm trú tại: Khách sạn W, đường N, phường T, thành phố N; vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh T – Chủ hộ kinh doanh cá thể; nơi cư trú: đường X, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Ông Tr; nơi cư trú: đường L, phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

** Người phiên dịch:* Cô H, Giáo viên Trung tâm phục hồi chức năng – giáo dục trẻ em khuyết tật Khánh Hòa; có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa truy tố về các hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 20 giờ 40 phút ngày 15/8/2016, T điều khiển xe máy hiệu Wave BKS. 79F2 lưu thông trên đường xem ai sở hữu thì thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Khi đến trước khách sạn ở đường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, Tuấn phát hiện chị Th và chị H đang ngồi trên xe xích lô trên tay chị Th có cầm điện thoại di động Iphone 5 màu trắng. T điều khiển xe máy tăng tốc, áp sát vào bên trái xe xích lô và dùng tay phải giật giật chiếc điện thoại Iphone 5 của chị Th rồi tăng ga bỏ chạy. Sau khi bị giật điện thoại chị Th nhìn thấy biển số xe T điều khiển nên đến cơ quan tố giác sự việc. Qua truy xét, đến 22 giờ cùng ngày, cơ quan Công an phát hiện T đang điều khiển xe máy biển số 79F2 đi vào chung cư số 02 Lê Hồng Phong, Nha Trang nên đã đưa T về trụ sở làm việc.

Quá trình điều tra, T còn khai nhận cùng với bạn là D và bạn của D (chưa xác định được lai lịch) đã thực hiện hai vụ cướp giật khác. Cụ thể như sau:

Vụ 1. Ngày 31/7/2016, trước khách sạn InterContinental địa chỉ 44-46 đường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, T đã sử dụng xe máy cướp giật được 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus màu đen của một người đi đường (hiện chưa xác định được người bị hại).

Vụ 2. Ngày 07/8/2016 tại ngã tư đường B - Th, thành phố N, T đã sử dụng xe máy cướp giật một điện thoại di động Iphone 5 s màu trắng của chị S, khi chị S đang ngồi trên xe xích lô.

D không thừa nhận hành vi cùng T thực hiện hai vụ cướp giật nói trên.

Tại biên bản định giá tài sản trong tố tụng hình sự, số 375/TC-KH ngày 01/11/2016 và số 376/TC-KH ngày 01/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 có giá trị 10.191.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 có giá trị 1.600.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 25/KSĐT-XXSTHS ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên nội dung đã truy tố đối với bị cáo T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Về xử lý vật chứng: Vật chứng đã được trả lại cho người bị hại (chị T) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, họ không có yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét; đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nên tách thành một vụ án dân sự khác, nếu sau này họ có yêu cầu; tuyên quyền kháng cáo và án phí theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về làm lại cuộc đời. Người đại diện hợp pháp của bị cáo ông Tr và Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội danh đối với bị cáo. Ông Tr đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về làm lại cuộc đời. Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về hoàn cảnh của bị cáo, mẹ chết sớm phải sống chung với gia đình ông bà ngoại và cậu ruột, bị cáo là người có nhược điểm về thể chất nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện, tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

[1] Về thủ tục tố tụng:

+ Người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T vắng mặt không có lý do. Xét thấy sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét đã xác định tư cách tham gia tố tụng của ông D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy ông D không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, mà phải xác định ông D tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng mới đúng quy định. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tham gia tố tụng của ông D là người làm chứng trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị cáo T khai nhận: Do cần tiền để tiêu xài cá nhân, nên ngày 07/8/2016 và ngày 15/8/2016, T đã sử dụng xe máy làm phương tiện và cướp giật được điện thoại Iphone của chị Nguyễn Thị Thu Th và chị Shang S, sau đó bị công an bắt giữ. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, lời khai của những người làm chứng, Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như qua phần xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng số 25/KSĐT-XXSTHS ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của những người bị hại được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, mất an ninh, trật tự tại địa phương. Ngoài ra, hành vi phạm tội của bị cáo còn ảnh hưởng đến hình ảnh và con người thân thiện của thành phố N nói riêng và Việt Nam nói chung trong mắt bạn bè quốc tế. Do vậy, cần có một mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo sử dụng xe máy là nguồn nguy hiểm cao độ, chạy với tốc độ cao và áp sát vào phương tiện đang chở người bị hại để cướp giật tài sản là thuộc tình tiết định khung hình phạt “dùng thủ đoạn nguy hiểm” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, trong một thời gian ngắn bị cáo thực hiện hai vụ cướp giật tài sản, nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136 và điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình; tài sản phạm tội một phần đã được thu hồi trả lại cho người bị hại; bị cáo là người có nhược điểm về thể chất (câm điếc bẩm sinh); mẹ bị cáo chết từ khi bị cáo còn nhỏ, cha của bị cáo không nuôi dưỡng bị cáo, nên bị cáo sống nhờ ông bà ngoại và cậu ruột, hoàn cảnh khó khăn. Luật sư cũng đồng ý với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát nêu ra. Ngoài ra, Luật sư còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự, xử cho bị cáo được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy: Về nhân thân bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự

mà vị đại diện Viện kiểm sát cũng như vị Luật sư đề nghị áp dụng cho bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo, sớm trở về làm lại cuộc đời, hòa nhập với cộng đồng. Đối với đề nghị của Luật sư cho bị được hưởng án treo là không có căn cứ vì bị cáo trong một thời gian ngắn thực hiện liên tiếp hai vụ cướp giật tài sản, hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, việc cho bị cáo được hưởng án treo không đảm bảo việc giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm trong xã hội, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

+ Đối với người bị hại chị Th: 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N trả lại cho chị Th. Tại phiên tòa người bị hại vắng mặt, nhưng tài liệu trong hồ sơ thể hiện bị hại không còn yêu cầu gì về phần dân sự (BL12), nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Đối với người bị hại chị S vắng mặt tại phiên tòa, không rõ yêu cầu về phần trách nhiệm dân sự, nên tách thành một vụ án dân sự khác, nếu sau này Chị S có yêu cầu.

+ Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T: Anh T vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử không rõ yêu cầu về phần dân sự, nên tách ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác nếu sau này anh T có yêu cầu.

+ Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tr. Ông Tr đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N trả lại chiếc xe máy biển kiểm soát số BKS 79F2. Tại phiên tòa ông Tr không yêu cầu gì khác về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đã được cơ quan điều tra giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Kiến nghị Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát tiếp tục điều tra hành vi cướp giật điện thoại Iphone 6s Plus màu đen của một người đi đường (hiện chưa xác định được người bị hại) của bị cáo T, xảy ra trước khách sạn InterContinental địa chỉ 44-46 đường P, thành phố N, để xử lý theo quy định của pháp luật.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo T **03 (ba)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 16/8/2016 đến ngày 25/8/2016.

2. Về trách nhiệm dân sự:

2.1. Không xem xét trách nhiệm dân sự đối với chị Th, ông Tr.

2.1. Tách phần trách nhiệm dân sự thành một vụ án khác nếu sau này chị S và ông T có yêu cầu.

3. Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố N ;
- Công an thành phố N ;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS. TP. Nha Trang;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phan Thanh Tùng

